

Số: /QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghiệp công nghệ thông tin và Chánh Văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ (*Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh có hiệu lực.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Công nghiệp công nghệ thông

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, ĐIỆN TỬ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BKHCN ngày tháng năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
Thủ tục hành chính cấp tỉnh						
1	1.014636	Cho phép nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu.	<i>Nghị quyết số 66.18/NQ-CP</i>	Công nghệ thông tin, điện tử	<i>Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i>	<i>Phân quyền</i>
2	1.014637	Cho phép thương nhân thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài.	<i>Nghị quyết số 66.18/NQ-CP</i>	Công nghệ thông tin, điện tử	<i>Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i>	<i>Phân quyền</i>
3	1.014638	Bổ sung, sửa đổi Giấy phép, cấp lại do mất, thất lạc Giấy phép cho phép thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài	<i>Nghị quyết số 66.18/NQ-CP</i>	Công nghệ thông tin, điện tử	<i>Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i>	<i>Phân quyền</i>

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung cấp tỉnh

1. Cho phép nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu (Mã TTHC 1.014636)

Trình tự thực hiện	1. Thương nhân gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cho phép nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu <i>trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh</i> hoặc theo hình thức trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia; 2. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, <i>cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, thông báo để thương nhân hoàn thiện hồ sơ</i>; 3. Trường hợp cần thiết, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, <i>cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lấy ý kiến cơ quan có liên quan</i>. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến, các cơ quan liên quan có văn bản trả lời; 4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến trả lời của các cơ quan liên quan, <i>cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định và có văn bản trả lời việc cho phép hay không cho phép thương nhân nhập khẩu hàng hóa</i>. Trường hợp không cho phép, nêu rõ lý do. Trường hợp không phải lấy ý kiến, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, <i>cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định và có văn bản trả lời việc cho phép hay không cho phép thương nhân nhập khẩu hàng hóa</i>; trường hợp không cho phép, nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính <i>tại Trung tâm</i>

	<i>Phục vụ hành chính công cấp tỉnh.</i>
Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ a) Văn bản đề nghị nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu thực hiện <i>theo Mẫu số 01 tại Phụ lục I.3.1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP</i>: 01 bản chính; b) Tài liệu thuyết minh về kế hoạch sử dụng, quy trình quản lý hàng hóa nhập khẩu trong quá trình sử dụng tại Việt Nam; phương án xử lý hàng hóa nhập khẩu sau khi sử dụng tại Việt Nam: 01 bản chính; c) Báo cáo tình hình thực hiện các giấy phép đã được cấp trước đó (nếu có) thực hiện <i>theo Mẫu số 02 tại Phụ lục I.3.1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NĐ-CP</i>: 01 bản chính; d) Đối với trường hợp cho phép nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu phục vụ mục đích đặc dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 26/2025/TT-BKHCN, tài liệu thuyết minh phải bảo đảm các nội dung sau: - Trường hợp di chuyển phương tiện sản xuất trong cùng một tổ chức: thể hiện mối quan hệ giữa thương nhân và tổ chức nước ngoài; thể hiện hàng hóa nhập khẩu chỉ phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất của thương nhân nhập khẩu; - Trường hợp làm thiết bị điều khiển, vận hành, khai thác, kiểm tra hoạt động của một phần hoặc toàn bộ hệ thống, dây chuyền sản xuất: thể hiện hàng hóa nhập khẩu là thiết bị, bộ phận cấu thành của hệ thống dây chuyền sản xuất; thể hiện sản phẩm nhập khẩu chỉ phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất của thương nhân nhập khẩu; - Trường hợp phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất phần mềm, gia công quy trình kinh doanh bằng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu cho đối tác nước ngoài: thể hiện thời hạn và phương án xử lý (tiêu hủy, tái xuất) hàng hóa nhập khẩu sau khi kết thúc hoạt động sản xuất và cung cấp dịch vụ; - Trường hợp là sản phẩm công nghệ thông tin chuyên dùng: thông tin về thời hạn sử dụng hàng hóa không quá 03 năm kể từ ngày sản xuất đến ngày mở tờ khai nhập khẩu; mô tả và thuyết minh tính năng chuyên dùng của hàng hóa nhập khẩu; chứng minh hàng hóa có hiệu quả sử dụng cho quá trình sản xuất thực tế; - Trường hợp tái nhập khẩu sản phẩm công nghệ thông tin đã hết thời hạn bảo hành sau khi đưa ra nước ngoài để sửa

	chữa: thông tin về hàng hóa và hồ sơ xuất khẩu để đưa ra nước ngoài để sửa chữa; - Trường hợp là sản phẩm, linh kiện đã được tân trang để thay thế, sửa chữa cho người sử dụng trong nước mà sản phẩm, linh kiện đó hiện nay không còn được sản xuất: thông tin về hàng hóa nhập khẩu đã được tân trang và không còn được sản xuất; quy trình, công đoạn của hệ thống dịch vụ bảo hành, bảo trì, thay thế, sửa chữa cho khách hàng trong nước; mục đích thay thế cho các sản phẩm, linh kiện bị lỗi, hỏng của khách hàng trong nước, không được chuyển nhượng, bán lại; việc thu hồi sau khi thay thế cho khách hàng phải được tái xuất hoặc xử lý tiêu hủy theo quy định của pháp luật. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, doanh nghiệp.
Cơ quan giải quyết	<i>Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</i>
Kết quả thực hiện	Văn bản trả lời cho phép nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu.
Phí, lệ phí (nếu có)	Không.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- <i>Mẫu số 01: Văn bản đề nghị nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu.</i> - <i>Mẫu số 02: Báo cáo tình hình thực hiện các giấy phép đã được cấp trước đó (nếu có).</i>
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không.
Căn cứ pháp lý	- Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - <i>Nghị quyết số 66.18/2026/NĐ-CP của Chính phủ về phân</i>

	<i>quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh;</i> - Thông tư số 26/2025/TT-BKHCHN ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu và thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài.
--	--

TÊN THƯƠNG NHÂN**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm 202...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP NHẬP KHẨU HÀNG HÓA THUỘC
DANH MỤC SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
ĐÃ QUA SỬ DỤNG CẤM NHẬP KHẨU**

Kính gửi: ...¹

- Tên thương nhân:
- Mã số doanh nghiệp:
- Địa chỉ:
- Địa chỉ trang web (nếu có):
- Phương thức liên lạc:

Điện thoại:

Email:

- Cá nhân chịu trách nhiệm khi được liên lạc:

1. Thông tin về hàng hóa nhập khẩu

- Tên hàng hóa:
- Mô tả, đặc điểm kỹ thuật:
- Mã HS:
- Số lượng:
- Xuất xứ, nguồn gốc:
- Nhà sản xuất:
- Tình trạng hàng hóa:

2. Mục đích nhập khẩu *(nêu rõ mục đích nhập khẩu phù hợp với mục đích quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP).*

3. Thuyết minh sự cần thiết phải nhập khẩu hàng hóa để phục vụ cho mục đích nêu tại mục 2.

4. Nhà xuất khẩu:

5. Thời gian dự kiến nhập khẩu:

6. Thời gian dự kiến lưu tại Việt Nam:

¹ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thương nhân nộp hồ sơ.

7. Các tài liệu kèm theo:

[Thương nhân] xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung kê khai và các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo đơn này và cam kết thực hiện tuân thủ đúng quy định của pháp luật về nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân

[Ký tên, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu]

TÊN THƯƠNG NHÂN**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm 202...

BÁO CÁO**Tình hình thực hiện nhập khẩu hàng hóa thuộc danh mục
sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu**Kính gửi:²

[Thương nhân] xin báo cáo tình hình thực hiện nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu như sau:

1. Văn bản cho phép nhập khẩu ... (số/ký hiệu), thời gian chốt số liệu từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

Danh mục được cấp phép						Báo cáo tình hình nhập khẩu/xuất khẩu, sử dụng và xử lý hàng hóa đã sử dụng xong						
TT	Tên hàng	Model /Số serie	Mã HS	Số lượng được cấp phép	Số lượng đã nhập khẩu/xuất khẩu	TKHQ NK/XK (số/ngày)	Tình hình sử dụng		Tình hình xử lý hàng đã sử dụng xong			Ghi chú
							Đang sử dụng	Đã sử dụng xong	Đã tái xuất	Tiêu hủy	Xử lý khác	
									(Ghi rõ số Tờ khai HQ tái xuất)			

2. Văn bản cho phép nhập khẩu ... (số/ký hiệu), thời gian chốt số liệu từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

Nội dung báo cáo như bảng trên.

² Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thương nhân nộp hồ sơ.

[Thương nhân] cam đoan những nội dung kê khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai [Thương nhân] hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân

[Ký tên, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu]

2. Cho phép thương nhân thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài (Mã TTHC 1.014637)

Trình tự thực hiện	1. Thương nhân gửi 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị cho phép thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài <i>trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh</i> hoặc theo hình thức trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia; 2. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, <i>cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính thông báo để thương nhân hoàn thiện hồ sơ</i>; 3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, <i>cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định và có văn bản trả lời về việc cho phép hay không cho phép thương nhân gia công hàng hóa. Trường hợp không cho phép, phải nêu rõ lý do. Trường hợp cần trao đổi với các cơ quan liên quan về hồ sơ đề nghị của thương nhân, thời gian xử lý hồ sơ tính từ thời điểm cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nhận được văn bản trả lời của các cơ quan liên quan.</i>
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính <i>tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh.</i>
Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ a) Văn bản đề nghị cho phép thực hiện gia công hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài <i>theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này</i>: 01 bản chính; b) Giấy tờ chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh (nếu có): 01 bản sao. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	07 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng

	quy định.
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, doanh nghiệp.
Cơ quan giải quyết	<i>Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</i>
Kết quả thực hiện	Văn bản trả lời cho phép hoặc không cho phép gia công hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài.
Phí, lệ phí (nếu có)	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	<i>Mẫu số 03: Văn bản đề nghị thực hiện gia công hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài.</i>
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không.
Căn cứ pháp lý	- Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - <i>Nghị quyết số 66.18/2026/NĐ-CP của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh;</i> - Thông tư số 26/2025/TT-BKHCN ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu và thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài.

TÊN THƯƠNG NHÂN**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm 202...

Kính gửi: ...³

- Tên thương nhân:

- Mã số doanh nghiệp:

- Địa chỉ:

- Địa chỉ trang web (nếu có):

- Phương thức liên lạc:

Điện thoại:

Email:

- Cá nhân chịu trách nhiệm khi được liên lạc:

Địa điểm sản xuất:

Số xưởng sản xuất, số chuyên sản xuất:

Số lượng lao động:

Đề nghị [Cơ quan cấp phép] xem xét cấp Giấy phép gia công hàng hóa, với các thông tin cụ thể như sau:

1. Tên, địa chỉ của các bên ký hợp đồng và bên gia công trực tiếp.

2. Tên, số lượng sản phẩm gia công.

3. Giá gia công.

4. Thời hạn thanh toán và phương thức thanh toán.

5. Danh mục, số lượng, trị giá nguyên liệu, phụ liệu, vật tư nhập khẩu và nguyên liệu, phụ liệu, vật tư sản xuất trong nước (nếu có) để gia công; định mức sử dụng nguyên liệu, phụ liệu, vật tư; định mức vật tư tiêu hao và tỷ lệ hao hụt nguyên liệu trong gia công.

6. Danh mục và trị giá máy móc, thiết bị cho thuê, cho mượn hoặc tặng cho để phục vụ gia công (nếu có).

7. Biện pháp xử lý phế liệu, phế thải, phế phẩm và nguyên tắc xử lý máy móc, thiết bị thuê, mượn, nguyên liệu, phụ liệu, vật tư dư thừa sau khi kết thúc hợp đồng gia công.

³ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thương nhân nộp hồ sơ.

8. Địa điểm và thời gian giao hàng.
9. Nhãn hiệu hàng hóa và tên gọi xuất xứ hàng hóa.
10. Thời hạn hiệu lực của hợp đồng.

[Thương nhân] xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo Đơn này và cam kết thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương và pháp luật có liên quan./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
[Ký tên, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu]

3. Bổ sung, sửa đổi Giấy phép, cấp lại do mất, thất lạc Giấy phép cho phép thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài (Mã TTHC 1.014638)

Trình tự thực hiện	a) Thương nhân gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị bổ sung, sửa đổi, cấp lại Giấy phép gia công hàng hóa <i>trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh</i> hoặc theo hình thức trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia; b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, <i>cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính thông báo cho thương nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ</i>; c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét quyết định bổ sung, sửa đổi, cấp lại Giấy phép; trường hợp từ chối sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy phép có văn bản thông báo, nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) - <i>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh.</i>
Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ a) <i>Đơn đề nghị bổ sung, sửa đổi, cấp lại Giấy phép theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này:</i> 01 bản chính; b) Giấy phép gia công đã được cấp (nếu có): 01 bản sao; c) Tài liệu liên quan đến việc bổ sung, sửa đổi, cấp lại Giấy phép hoặc tài liệu có liên quan đến việc mất, thất lạc, hư hỏng Giấy phép (nếu có): 01 bản sao. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, doanh nghiệp.
Cơ quan giải quyết	<i>Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</i>

Kết quả thực hiện	Giấy phép cho thương nhân thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài.
Phí, lệ phí (nếu có)	Không.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Không.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không.
Căn cứ pháp lý	- Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - <i>Nghị quyết số 66.18/2026/NĐ-CP của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh;</i> - Thông tư số 26/2025/TT-BKHHCN ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu và thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài.

TÊN THƯƠNG NHÂN**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm 202...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ BỔ SUNG, SỬA ĐỔI/CẤP LẠI GIẤY PHÉP THỰC HIỆN
HOẠT ĐỘNG GIA CÔNG HÀNG HÓA THUỘC DANH MỤC SẢN PHẨM
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN ĐÃ QUA SỬ DỤNG CẤM NHẬP KHẨU CHO
THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI ĐỂ TIÊU THỤ TẠI NƯỚC NGOÀI**Kính gửi: ...⁴

- Tên thương nhân:
- Mã số doanh nghiệp:
- Địa chỉ:
- Địa chỉ trang web (nếu có):
- Phương thức liên lạc:

Điện thoại:

Email:

- Cá nhân chịu trách nhiệm khi được liên lạc:
- Đã được cấp [Giấy phép] ngày ... tháng ... năm..., có hiệu lực đến ...

[Thương nhân] xin đề nghị [Cơ quan cấp phép] xem xét, sửa đổi, bổ sung/cấp lại [Giấy phép] theo các nội dung sau:

1. Nội dung sửa đổi, bổ sung (đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung)

Thông tin cũ:

Thông tin mới:

2. Lý do sửa đổi, bổ sung/lý do đề nghị cấp lại

3. Hồ sơ kèm theo:

- ...

- ...

⁴ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thương nhân nộp hồ sơ.

[Thương nhân] xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo Đơn này và cam kết thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương và pháp luật có liên quan./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân

[Ký tên, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu]

tin, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở KH-CN các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Trung tâm Truyền thông KH-CN (để đưa tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ);
- VP (KSTT);
- Lưu: VT, CNCNTT.

BỘ TRƯỞNG

Vũ Hải Quân